

BÀI THỰC HÀNH ÔN TẬP TUẦN 13-14
(SINH VIÊN TỰ LÀM NỘP TÍNH ĐIỂM)

Câu 1:

Tạo Database QLBANHANG. Tạo các Table có cấu trúc như sau:

(Lưu ý: các field có gạch chân là field khóa chính, gạch nét đứt là khóa ngoại)

1. Ở User sys tạo User QLBanHang,
 create user QLBanHang identified by 1
 grant create session to QLBanHang
 grant create table to QLBanHang
 alter user QLBanHang quota unlimited on users
2. Đăng nhập user QLBanHang
 Tạo các bảng sau

Table: KHACHHANG

Name	Type	Size
<u>MAKH</u>	varchar2	5
TENKH	nvarchar2	30
DIACHI	nvarchar2	50
DT	varchar2	11
EMAIL	varchar2	30

Ràng buộc: TENKH not null, DT có thể có từ 8 chữ số đến 11 chữ số.

Table: VATTU

Name	Type	Size
<u>MAVT</u>	varchar2	5
TENV	nvarchar2	30
DVT	nvarchar2	20
GIAMUA	number	
SLTON	number	

Ràng buộc: TENV not null, GIAMUA > 0, SLTON >= 0.

Table: HOADON

Name	Type	Size
<u>MAHD</u>	varchar2	10
NGAY	date	
<u>MAKH</u>	varchar2	5
TONGTG	number(10,2)	

Ràng buộc: Giá trị nhập vào cho field NGÀY phải trước ngày hiện hành. (Thực hiện giống check constraints trong SQL Server, hàm sysdate trả về ngày hiện hành của hệ thống. Nếu

không thực hiện được, phải dùng trigger)

Table: CTHD

Name	Type	Size
<u>MAHD</u>	varchar2	10
<u>MAVT</u>	varchar2	5
SL	number	
KHUYENMAI	number (10,2)	
GIABAN	number (10,2)	

Ràng buộc: Giá trị nhập vào cho field SL phải lớn hơn 0.

Câu 2: Nhập dữ liệu vào các Table:

Table VATTU:

MAVT	TENVT	DVT	GIAMUA	SLTON
VT01	Xi măng	Bao	50000	5000
VT02	Cát	Khối	45000	50000
VT03	Gạch ống	Viên	120	800000
VT04	Gạch thẻ	Viên	110	800000
VT05	Đá lớn	Khối	25000	100000
VT06	Đá nhỏ	Khối	33000	100000
VT07	Lam gió	Cái	15000	50000

Table KHACHHANG:

MAKH	TENKH	DIACHI	DT	EMAIL
KH01	Nguyễn Thị Bé	Tân Bình	38457895	bnt@yahoo.com
KH02	Lê Hoàng Nam	Bình Chánh	39878987	namlehoang@gmail.com
KH03	Trần Thị Chiêu	Tân Bình	38457895	NULL
KH04	Mai Thị Quế Anh	Bình Chánh	NULL	NULL
KH05	Lê Văn Sáng	Quận 10	NULL	sanglv@hcm.vnn.vn
KH06	Trần Hoàng	Tân Bình	38457897	NULL

Table HOADON:

MAHD	NGAY	MAKH	TONGTG
HD001	12/05/2016	KH01	NULL
HD002	25/05/2016	KH02	NULL
HD003	25/05/2016	KH01	NULL
HD004	25/05/2016	KH04	NULL
HD005	26/05/2016	KH04	NULL
HD006	02/06/2016	KH03	NULL
HD007	22/06/2016	KH04	NULL
HD008	25/06/2016	KH03	NULL
HD009	15/08/2016	KH04	NULL
HD010	30/09/2016	KH01	NULL

Table CTHD:

MAHD	MAVT	SL	KHUYENMAI	GIABAN
HD001	VT01	5		52000
HD001	VT05	10		30000
HD002	VT03	10000		150
HD003	VT02	20		55000
HD004	VT03	50000		150
HD004	VT04	20000		120
HD005	VT05	10		30000
HD005	VT06	15		35000
HD005	VT07	20		17000
HD006	VT04	10000		120
HD007	VT04	20000		125
HD008	VT01	100		55000
HD008	VT02	20		47000
HD009	VT02	25		48000
HD010	VT01	25		57000

Câu 3: Tạo các view sau:

1. Hiển thị danh sách các khách hàng có địa chỉ là “Tân Bình” gồm mã khách hàng, tên khách hàng, địa chỉ, điện thoại, và địa chỉ E-mail.
2. Hiển thị danh sách các khách hàng gồm các thông tin mã khách hàng, tên khách hàng, địa chỉ và địa chỉ E-mail của những khách hàng chưa có số điện thoại.
3. Hiển thị danh sách các khách hàng chưa có số điện thoại và cũng chưa có địa chỉ Email gồm mã khách hàng, tên khách hàng, địa chỉ.
4. Hiển thị danh sách các khách hàng đã có số điện thoại và địa chỉ E-mail gồm mã khách hàng, tên khách hàng, địa chỉ, điện thoại, và địa chỉ E-mail.
5. Hiển thị danh sách các vật tư có đơn vị tính là “Cái” gồm mã vật tư, tên vật tư và giá mua.
6. Hiển thị danh sách các vật tư gồm mã vật tư, tên vật tư, đơn vị tính và giá mua mà có giá mua trên 25000.
7. Hiển thị danh sách các vật tư là “Gạch” (bao gồm các loại gạch) gồm mã vật tư, tên vật tư, đơn vị tính và giá mua.
8. Hiển thị danh sách các vật tư gồm mã vật tư, tên vật tư, đơn vị tính và giá mua mà có giá mua nằm trong khoảng từ 20000 đến 40000.
9. Lấy ra các thông tin gồm Mã hóa đơn, ngày lập hóa đơn, tên khách hàng, địa chỉ khách hàng và số điện thoại.

10. Lấy ra các thông tin gồm Mã hóa đơn, tên khách hàng, địa chỉ khách hàng và số điện thoại của ngày 25/5/2016.
11. Lấy ra các thông tin gồm Mã hóa đơn, ngày lập hóa đơn, tên khách hàng, địa chỉ khách hàng và số điện thoại của những hóa đơn trong tháng 6/2016.
12. Lấy ra danh sách những khách hàng (tên khách hàng, địa chỉ, số điện thoại) đã mua hàng trong tháng 6/2016.
13. Lấy ra danh sách những khách hàng không mua hàng trong tháng 6/2016 gồm các thông tin tên khách hàng, địa chỉ, số điện thoại.
14. Lấy ra các chi tiết hóa đơn gồm các thông tin mã hóa đơn, mã vật tư, tên vật tư, đơn vị tính, giá bán, giá mua, số lượng, trị giá mua (giá mua * số lượng), trị giá bán (giá bán * số lượng).
15. Lấy ra các chi tiết hóa đơn gồm các thông tin mã hóa đơn, mã vật tư, tên vật tư, đơn vị tính, giá bán, giá mua, số lượng, trị giá mua (giá mua * số lượng), trị giá bán (giá bán * số lượng) mà có giá bán lớn hơn hoặc bằng giá mua.
16. Lấy ra các thông tin gồm mã hóa đơn, mã vật tư, tên vật tư, đơn vị tính, giá bán, giá mua, số lượng, trị giá mua (giá mua * số lượng), trị giá bán (giá bán * số lượng) và cột khuyến mãi với khuyến mãi 10% cho những mặt hàng bán trong một hóa đơn lớn hơn 100.
17. Tìm ra những mặt hàng chưa bán được.
18. Tạo bảng tổng hợp gồm các thông tin: mã hóa đơn, ngày hóa đơn, tên khách hàng, địa chỉ, số điện thoại, tên vật tư, đơn vị tính, giá mua, giá bán, số lượng, trị giá mua, trị giá bán.
19. Tạo bảng tổng hợp tháng 5/2016 gồm các thông tin: mã hóa đơn, ngày hóa đơn, tên khách hàng, địa chỉ, số điện thoại, tên vật tư, đơn vị tính, giá mua, giá bán, số lượng, trị giá mua, trị giá bán.
20. Tạo bảng tổng hợp quý 1 – 2016 gồm các thông tin: mã hóa đơn, ngày hóa đơn, tên khách hàng, địa chỉ, số điện thoại, tên vật tư, đơn vị tính, giá mua, giá bán, số lượng, trị giá mua, trị giá bán.
21. Lấy ra danh sách các hóa đơn gồm các thông tin: Số hóa đơn, ngày, tên khách hàng, địa chỉ khách hàng, tổng trị giá của hóa đơn.
22. Lấy ra hóa đơn có tổng trị giá lớn nhất gồm các thông tin: Số hóa đơn, ngày, tên khách hàng, địa chỉ khách hàng, tổng trị giá của hóa đơn.

23. Lấy ra hóa đơn có tổng trị giá lớn nhất trong tháng 5/2016 gồm các thông tin: Số hóa đơn, ngày, tên khách hàng, địa chỉ khách hàng, tổng trị giá của hóa đơn.
24. Đếm xem mỗi khách hàng có bao nhiêu hóa đơn.

Câu 4: Tạo các procedure sau:

1. Lấy ra danh các khách hàng đã mua hàng trong ngày X, với X là tham số truyền vào.
2. Lấy ra danh sách khách hàng có tổng trị giá các đơn hàng lớn hơn X (X là tham số).
3. Lấy ra danh sách X khách hàng có tổng trị giá các đơn hàng lớn nhất
4. Lấy ra danh sách X mặt hàng có số lượng bán lớn nhất.
5. Lấy ra danh sách X mặt hàng bán ra có lãi ít nhất.
6. Lấy ra danh sách X đơn hàng có tổng trị giá lớn nhất (X là tham số).
7. Tính giá trị cho cột khuyến mãi như sau: Khuyến mãi 5% nếu $SL > 100$, 10% nếu $SL > 500$.
8. Tính lại số lượng tồn cho tất cả các mặt hàng ($SLTON = SLTON - \text{tổng } SL \text{ bán được}$).
9. Tính trị giá cho mỗi hóa đơn.

Câu 5: Tạo các function sau:

1. Viết hàm tính doanh thu của năm, với năm là tham số truyền vào.
2. Viết hàm tính doanh thu của tháng, năm, với tháng và năm là 2 tham số truyền vào.
3. Viết hàm tính doanh thu của khách hàng với mã khách hàng là tham số truyền vào.
4. Viết hàm tính tổng số lượng bán được cho từng mặt hàng theo tháng, năm nào đó. Với mã hàng, tháng và năm là các tham số truyền vào, nếu tháng không nhập vào tức là tính tất cả các tháng.
5. Viết hàm tính lãi $((\text{giá bán} - \text{giá mua}) * \text{số lượng bán được})$ cho từng mặt hàng, với mã mặt hàng là tham số truyền vào. Nếu mã mặt hàng không truyền vào thì tính cho tất cả các mặt hàng.

Câu 6: Tạo các trigger để thực hiện các ràng buộc sau:

1. Thực hiện việc kiểm tra các ràng buộc khóa ngoại.
2. Không cho phép user nhập vào hai vật tư có cùng tên.
3. Khi user đặt hàng thì KHUYENMAI là 5% nếu $SL > 100$, 10% nếu $SL > 500$.

4. Chỉ cho phép mua các mặt hàng có số lượng tồn lớn hơn hoặc bằng số lượng cần mua và tính lại số lượng tồn mỗi khi có đơn hàng.
5. Không cho phép user xóa một lúc nhiều hơn một vật tư.
6. Mỗi hóa đơn cho phép bán tối đa 5 mặt hàng.
7. Mỗi hóa đơn có tổng trị giá tối đa 50000000.